

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ GẠO
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: **412/2022/HNGĐ-ST**

Ngày 23 tháng 8 năm 2022

V/v tranh chấp “Ly hôn”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ TRÍ VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền Ni.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Bé Ba.

2. Ông Châu Văn Bình (Châu Vũ Bình).

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Nguyễn Ái Quyên - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Dương Văn Nguyễn - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 216/2022/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2022 về tranh chấp “Ly hôn”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 134/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Mỹ L**, sinh năm 1992;

Địa chỉ: Ấp L1, xã H, huyện C1, tỉnh T.

2. Bị đơn: Anh **Dương Văn C**, sinh năm 1988;

Địa chỉ: Ấp L1, xã H, huyện C1, tỉnh T.

(Có mặt chị L, anh C)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 29/4/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Mỹ L trình bày: Chị và anh Dương Văn C chung sống với nhau vào năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B1, huyện B2, tỉnh B3 vào ngày 12/5/2011. Thời gian vợ chồng chung sống phát sinh mâu thuẫn do anh C ghen tuông vô cớ, hăm dọa chị, không phụ giúp gia đình nhiều, phụ nuôi con nhưng rất ít. Thu nhập của ai nấy chi tiêu. Vợ chồng ly thân từ tháng 03/2021 cho đến nay, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu ly hôn với anh Dương Văn C.

Về con chung: Có 01 con chung là Dương Ngọc Diễm M, sinh ngày 06/9/2012, đang sống với chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi con, yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con 1.500.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Dương Văn C trình bày: Anh không đồng ý ly hôn với chị L do anh thương vợ con. Mâu thuẫn mà chị L trình bày chỉ đúng 50%, anh có ghen tuông nhưng đúng chuyện, anh vẫn lo cho gia đình 90%.

Về con chung: Có 01 con chung là Dương Ngọc Diễm M, sinh ngày 06/9/2012, đang sống với chị L. Khi ly hôn, anh yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại phiên tòa:

- Chị L trình bày: Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn chủ yếu do anh C ghen tuông vô cớ quá mức nên chị không thể chung sống vợ chồng với anh C được nữa. Anh C ghen tuông với cả những người trong gia đình, ngoài thời gian đi làm anh C giữ điện thoại của chị. Chị không còn tình cảm vợ chồng với anh C.

- Anh C trình bày: Anh không có giữ điện thoại của chị L. Anh có ghen tuông nhưng tùy trường hợp. Anh làm nghề làm hồ sơ đất, buôn bán bất động sản, thu nhập của anh là 9.000.000 đồng/tháng, sau khi chi tiêu trong gia đình thì thu nhập không dư nhiều. Anh sẽ cố gắng hàn gắn với chị L, trong thời gian qua anh có năn nỉ nhưng chị L không đồng ý nên tôi xin thêm hai tháng nữa để hàn gắn. Anh đồng ý giao cháu Dương Ngọc Diễm M cho chị L nuôi dưỡng, anh cấp dưỡng nuôi con 1.500.000 đồng/tháng.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký tòa án, Hội đồng xét xử và đương sự từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm Hội đồng xét xử chuẩn bị nghị án đều đúng theo trình tự do Bộ luật Tố tụng dân sự quy định.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L.

Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của chị L và anh C là giao cháu Dương Ngọc Diễm M cho chị L nuôi dưỡng, anh C cấp dưỡng nuôi con 1.500.000 đồng/tháng.

Tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi thẩm tra xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nghe lời trình bày và phát biểu tranh luận của đương sự, ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Chị L khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh C nên đây là tranh chấp ly hôn được quy định tại Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Về yêu cầu của đương sự:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Mỹ L và anh Dương Văn C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã B1, huyện B2, tỉnh B3 cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn theo đúng quy định pháp luật nên hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp.

Xét thấy, anh Dương Văn C không đồng ý ly hôn với chị L nhưng từ khi thụ lý vụ án cho đến phiên tòa xét xử hôm nay, anh Cầm không đưa ra được một biện pháp cụ thể nào để hàn gắn lại mối quan hệ vợ chồng. Chị L trình bày không còn tình cảm, không muốn tiếp tục chung sống đời sống vợ chồng với anh C và tại phiên tòa vẫn cương quyết ly hôn. Đời sống vợ chồng giữa anh chị đã mâu thuẫn trầm trọng, tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt, cả hai không còn yêu thương quan tâm chăm sóc lẫn nhau và đã ly thân từ tháng 3 năm 2021 cho đến nay nên mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân anh chị có 01 con chung là Dương Ngọc Diễm M, sinh ngày 06/9/2012. Chị L yêu cầu được nuôi con, yêu cầu anh C cấp dưỡng mỗi tháng 1.500.000 đồng. Anh C đồng ý giao con cho chị L nuôi dưỡng, anh cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.3] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[2.4] Nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[3] Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo là có cơ sở và phù hợp với quy định pháp luật nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Chị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về hôn nhân và gia đình, anh C phải chịu án phí chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 266, 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84, 110 và 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 26, điểm đ khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Mỹ L.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Mỹ L được ly hôn với anh Dương Văn C.

- Về con chung: Giao Dương Ngọc Diễm M, sinh ngày 06/9/2012 cho chị Nguyễn Thị Mỹ L nuôi dưỡng, anh Dương Văn C cấp dưỡng nuôi con 1.500.000 đồng/tháng.

Thời gian thực hiện từ khi bản án có hiệu lực pháp luật đến khi chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo Điều 118 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Kể từ bản án có hiệu lực pháp luật, chị Linh có đơn yêu cầu thi hành án đòi với số tiền cấp dưỡng, nếu anh C chậm thi hành án, thì hàng tháng còn phải chịu số tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

Anh Dương Văn C có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

2. Về án phí:

Chị Nguyễn Thị Mỹ L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Chị L đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0005712 ngày 09/5/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo, nên đã nộp xong.

Anh Dương Văn C phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng.

3. Về quyền kháng cáo: Chị L, anh C có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND h. Chợ Gạo;
- Chi cục THADS h. Chợ Gạo;
- UBND xã B1, h. B2, tỉnh B3;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Huyền Ni